

Số: /GPMT-UBND Lào Cai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí tại KCN Âu Lâu, tỉnh Lào Cai;

Xét Văn bản số 06/CV-MT ngày 27/10/2025; Văn bản số 06/CV-MT ngày 24/4/2026 của Công ty Cổ phần GENJI Việt Nam về việc về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 381/TTr-SNNMT, ngày 19 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần GENJI Việt Nam (địa chỉ: Khu công nghiệp Âu Lâu, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Âu Lâu, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

1.3. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (*điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2023*) tại Quyết định số 1197/QĐ-BQLCKCN; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (*điều chỉnh lần thứ hai ngày 03/4/2024*) tại Quyết định số 43/QĐ-BQLCKCN.

1.4. Mã số thuế: 5200939156.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Gia công cơ khí.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích sử dụng đất: Diện tích là 38.762,24 m².

- Nhóm dự án (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*): Dự án nhóm C.

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất: Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí là 10.000 tấn/năm.

- Quy trình sản xuất của dự án:

+ Quy trình sản xuất, gia công sản phẩm chi tiết máy cơ khí: Nguyên liệu → Cắt tôn bằng máy CNC → Dập lỗ bằng máy CNC → Chấn gập định hình → Hàn sản phẩm → Kiểm tra vệ sinh → Đóng gói lưu kho.

+ Đối với sản phẩm cần phải sơn trước khi đóng gói lưu kho thì có thêm công đoạn sơn với Quy trình công nghệ sơn tĩnh điện: Sản phẩm cần sơn → Xử lý bề mặt trước khi sơn → Sấy khô và kiểm tra bề mặt → Xếp sản phẩm → Sơn tĩnh điện → Sấy và hoàn thiện → Kiểm tra, đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần GENJI Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh, Ủy ban nhân dân phường Âu Lâu và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình triển khai nếu dự án có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, chủ đầu tư phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân phường Âu Lâu tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường Dự án Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (đc Phan Trung Bá);
- Các Sở: Công thương; Xây dựng; KH&CN;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (01 bản);
- Ban quản lý các Khu công nghiệp;
- Ủy ban nhân dân phường Âu Lâu;
- Công ty Cổ phần GENJI Việt Nam;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (đc Khanh);
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (để công khai);
- Lưu: VT, TNMT (Oanh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trung Bá

PHỤ LỤC 1:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngàytháng năm
2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà xưởng gia công cơ khí số 01.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà xưởng gia công cơ khí số 02.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà xưởng sơn.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà kho nguyên liệu.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà kho thành phần.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn, nghỉ ca.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà điều hành.
- Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình vệ sinh các bể chứa hóa chất, chứa nước của quá trình xử lý bề mặt kim loại.
- Nguồn số 09: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải quá trình xử lý bề mặt kim loại có sử dụng dung dịch axit.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng thải số 01: Dòng nước thải tương ứng nguồn số 01 đến nguồn số 07

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hố ga thoát nước trên đường trục 1 của Khu công nghiệp Âu Lâu, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

2.1.2. Vị trí xả nước thải

Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ phút, múi chiếu 3 độ): X = 2401319,69; Y = 508907,47.

2.1.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25 m³/ngày đêm.

2.1.5. Phương thức xả thải

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung theo đường ống thoát nước thải chảy vào Hồ ga thoát nước trên đường trục 1 của Khu công nghiệp Âu Lâu; phương thức xả: Tự chảy.

2.1.6. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.1.7. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số/Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	mg/l	5-9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 35 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤60	
4	Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/l	≤45	
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤0,5	
6	Amoni (N-NH ₄), tính theo N	mg/l	≤8,0	
7	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤30	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤15	
9	Chất hoạt động bề mặt anino	mg/l	≤5,0	
10	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤3	
11	Tổng Coliform	MPN hoặc CPU /100ml	≤5.000	

2.2. Dòng thải số 02 (tương ứng với nguồn số 08)

Định kỳ thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý (không xả ra ngoài môi trường).

2.3. Dòng số 03 (tương ứng với nguồn số 09)

Định kỳ thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý (không xả ra ngoài môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt (*Dòng số 01 tương ứng với nguồn số 01 đến nguồn số 07*): Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 25 m³/ngày đêm để xử lý, sau khi xử lý nước thải theo đường ống nhựa (*UPVC đường kính 0,11m*) chảy vào Hồ ga thoát nước trên đường trục 1 của Khu công nghiệp Âu Lâu, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

- Nước thải sản xuất:

+ Dòng số 02 tương ứng với nguồn số 08: Được lưu chứa ngay trong bể chứa hóa chất, chứa nước (*các bể chứa dung dịch của quá trình sản xuất; mỗi bể có dung tích khoảng 07m³*) trước khi thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

+ Dòng số 03 tương ứng nguồn số 09: Được lưu chứa ngay trong bể chứa (*đáy tháp hấp thụ xử lý khí thải từ quá trình xử lý bề mặt kim loại có sử dụng dung dịch axit; dung tích khoảng 20m³*) trước khi thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt (*Dòng số 01*)

- Hệ thống xử lý nước thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Công nghệ xử lý áp dụng là công nghệ vi sinh kết hợp với hoá lý, cụ thể: Nước thải phát sinh → Bể tự hoại → Bể điều hòa → Cụm bể trung hòa – keo tụ tạo bông và bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Thải ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 25 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, mật rỉ, Clorin (*hoặc các hóa chất, chế phẩm vi sinh khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này*).

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất

Thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý (*tần suất tối thiểu là 30 ngày/lần*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thiết kế, xây dựng công trình đảm bảo kết cấu, an toàn và theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống đường ống thu gom nước thải tránh tình trạng tắc nghẽn, ứ đọng.

- Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường về quá trình vận hành hệ thống xử lý chất thải, ứng phó kịp thời với các trường hợp quá tải.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng ngay hoạt động phát sinh nước thải để đảm bảo không có nước thải chảy về công trình xử lý. Nước thải được bơm về bể điều hoà để lưu chứa. Khẩn trương tìm hiểu nguyên nhân, khắc phục sự cố của hệ thống và chỉ vận hành lại hệ thống khi sự cố được khắc phục xong.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng sau khi hoàn thành các công trình xử lý chất thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 25 m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào (*tại bể điều hoà*) và nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung (*nước thải sau Bể khử trùng*).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải (*01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; Công ty Cổ phần GENJI Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này xả ra ngoài môi trường; trường hợp có thông số xả thải vượt giá trị giới hạn cho phép thì phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

3.2. Đảm bảo bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải, có sổ nhật ký vận hành và ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.7. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.8. Thường xuyên kiểm tra các thiết bị và hệ thống xử lý nước thải, định kỳ nạo vét bùn của hệ thống xử lý nước thải; quản lý bùn nạo vét theo đúng quy định./.

PHỤ LỤC 2:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngàytháng năm
2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình xử lý bề mặt kim loại có sử dụng dung dịch axit.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn và sấy sản phẩm.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 1.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 2.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với nguồn số 01 của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình xử lý bề mặt kim loại sử dụng dung dịch axit. Vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 104° 45", múi chiếu 3°*): X= 2401389,84; Y= 509025,64.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với nguồn số 02 của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn và sấy sản phẩm. Vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 104° 45", múi chiếu 3°*): X= 2401393,98; Y= 509031,19.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với nguồn số 03 của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 01. Vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 104° 45", múi chiếu 3°*): X= 2401434,51; Y= 508940,48.

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với nguồn số 04 của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 03. Vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 104° 45", múi chiếu 3°*): X= 2401368,85; Y= 508985,97.

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với nguồn số 05 của hệ thống xử lý khí thải từ khu vực hệ thống xử lý nước thải. Vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 104° 45", múi chiếu 3°*): X= 2401359,60; Y= 508974,88.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Dòng khí thải số 01: 28.500 m³/giờ; Dòng khí thải số 02: 32.000 m³/giờ;
Dòng khí thải số 03: 10.000 m³/giờ; Dòng khí thải số 04: 10.000 m³/giờ; Dòng
khí thải số 05: 3.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: liên tục (24 giờ) khi hệ thống, dây chuyền, thiết bị tương ứng hoạt động.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc Định kỳ	Quan trắc tự động
I	Dòng số 01				Không thuộc đối tượng
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 40	03 tháng/lần	
2	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	≤ 20		
II	Dòng số 02				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 40	03 tháng/lần	
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC)	mg/Nm ³	≤ 80	06 tháng/lần	
III	Dòng số 03, 04				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80	03 tháng/lần	
IV	Dòng số 05				
1	H ₂ S	mg/Nm ³	≤ 7	03 tháng/lần	
2	NH ₃	mg/Nm ³	≤ 20		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	≤ 12	06 tháng/lần	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Dòng khí thải số 01 (*Khí thải phát sinh từ quá trình xử lý bề mặt kim loại có sử dụng dung dịch axit*): Khí thải từ các khu vực phát sinh được hút sang hệ thống tháp hấp thụ, khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Dòng khí thải số 02 (*Khí thải phát sinh từ quá trình sơn và sấy sản phẩm*): Khí thải từ các khu vực phát sinh được hút sang hệ thống tháp hấp thụ, khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Dòng khí thải số 03 (*Khí thải phát sinh từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 1*): Khí thải từ các khu vực phát sinh được hút sang hệ thống lọc bụi túi vải, khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Dòng khí thải số 04 (*Khí thải phát sinh từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 2*): Khí thải từ các khu vực phát sinh được hút sang hệ thống lọc bụi túi vải, khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Dòng khí thải số 05 (*Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải*): Khí thải từ các khu vực phát sinh được hút sang hệ thống tháp hấp phụ, khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình xử lý bề mặt kim loại sử dụng dung dịch axit

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thải.

+ Công suất thiết kế: 28.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này*).

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn và sấy sản phẩm

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải.

+ Công suất thiết kế: 32.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (*hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này*).

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 01

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → Chụp hút → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải.

+ Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 02

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → Chụp hút → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải.

+ Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

- Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực hệ thống xử lý nước thải

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → Quạt hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thải.

+ Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (*hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra tình hình vận hành của máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý.

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

- Khi hệ thống có hiện tượng gặp sự cố thực hiện việc rà soát, khắc phục ngay sự cố; dừng ngay hoạt động cấp hoá chất và các bể chứa (*bể chứa dung dịch xử lý bề mặt kim loại*) và đậy kín nắp bể để hạn chế việc phát sinh hơi hoá chất; dừng các hoạt động phát sinh khí thải. Chỉ đưa dây truyền sản xuất hoạt động trở lại khi hệ thống xử lý khí thải đã được khắc phục và bảo đảm chất lượng khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định và phần A phụ lục này.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng sau khi hoàn thành các công trình xử lý chất thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Công trình, thiết bị

+ Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình xử lý bề mặt kim loại sử dụng dung dịch axit.

+ Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn và sấy sản phẩm.

+ Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 01.

+ Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình gia công cơ khí xưởng số 02.

+ Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí lấy mẫu: Khí thải đầu ra tại ống thải theo vị trí xả thải tại mục A phụ lục này.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2, Phần A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; Công ty Cổ phần GENJI Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2, Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả khí thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Thường xuyên kiểm tra các thiết bị và hệ thống xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngàytháng năm
2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động các máy móc của dây chuyền sản xuất.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- Độ rung: QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lập nội quy ra/vào khu vực, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.
- Bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi xe cơ giới từ 22h đêm ngày hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.
- Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo năng lực tốt trong suốt quá trình vận hành.

2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, hoạt động của dự án.
- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ tra mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng do tiếng ồn, độ rung đến môi trường và khu vực xung quanh.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động của dự án gây ra./.

PHỤ LỤC 4:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngàytháng năm
2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng số lượng phát sinh dự kiến khoảng 200kg/năm
- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường: Tổng số lượng phát sinh dự kiến khoảng 300kg/ngày.
- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Tổng số lượng phát sinh dự kiến khoảng 225kg/ngày.
- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát: Tổng số lượng phát sinh dự kiến khoảng 613,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Số lượng khu vực lưu giữ: 01 khu vực.
- Diện tích: 23,8m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Số lượng khu vực lưu giữ: 01 khu vực.
- Diện tích: 23,8m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Công ty bố trí dụng cụ thu gom, lưu chứa và hằng ngày chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn (*không bố trí kho hoặc khu vực lưu chứa*).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự

cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5:**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngàytháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

2. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp.

3. Thực hiện đúng các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động.

4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

5. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu tác động từ nước mưa chảy tràn, bồi lắng, ngập úng trong quá trình thi công và vận hành dự án. Thực hiện thu gom, quản lý nước thải, bụi, khí thải và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công dự án theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực triển khai dự án.

6. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phù hợp để đảm bảo việc tiêu thoát nước, giao thông cho khu vực xung quanh dự án, phối hợp với các cơ quan chức

năng xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường do các hoạt động của dự án gây ra.

7. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Việc triển khai xây dựng các hạng mục, công trình của dự án phải bảo đảm phù hợp các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tuân thủ các quy hoạch, phương án thiết kế đã được phê duyệt.

9. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.